



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Địa chỉ: Số 499, Đường Hàn Thuyên, P Đại Phúc, TP Bắc Ninh.

Điện thoại: 0222.3821.230

Website: www.bci.edu.vn Email: cdcn.bci@gmail.com

QUY TRÌNH
XẾP LOẠI KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HSSV

Mã hóa : QT03/BCI-CTHSSV

Ban hành lần : 01

Hiệu lực từ ngày :/...../2023

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Duy Diễn	Trần Văn Thực	Nguyễn Đức Lưu
Chức danh	PHÓ TP CÔNG TÁC HSSV	PHÓ HIỆU TRƯỞNG	HIỆU TRƯỞNG

1. Mục đích, phạm vi áp dụng:

a. Mục đích: Quy trình này nhằm mục đích giúp Hiệu trưởng:

Hướng dẫn Giáo viên chủ nhiệm lớp, các đơn vị liên quan và HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh thực hiện xếp loại kết quả rèn luyện HSSV theo đúng quy định.

b. Phạm vi áp dụng: Là học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

2. Từ viết tắt:

- HSSV: Học sinh, Sinh viên.
- GVCN: Giáo viên chủ nhiệm.
- GVBM: Giáo viên bộ môn.
- CTHSSV: Công tác Học sinh, Sinh viên.
- BGH: Ban giám hiệu

3. Lưu đồ

(có lưu đồ kèm theo)

4. Đặc tả

(có bản đặc tả kèm theo)

5. Các công cụ biểu/ mẫu hướng dẫn:

5.1. Căn cứ pháp lý:

Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ lao động-Thương binh và xã hội về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường Cao đẳng;

Quyết định số 39/QĐ-CĐCN, ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc ban hành quy chế công tác HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định biên chế các lớp Cao đẳng, trung cấp, liên thông trúng tuyển hàng năm.

5.2. Biểu mẫu/hướng dẫn:

TT	Tên biểu mẫu/ hướng dẫn	Thực hiện	Mã hóa
1	Biên bản sinh hoạt lớp xếp loại kết quả rèn luyện HSSV	GVCN	BM/QT03/BCi-CTHSSV01.03
2	Mẫu danh sách tổng hợp kết quả xếp loại rèn luyện HSSV	GVCN	BM/QT03/BCi-CTHSSV02.03
3	Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV	GVCN	BM/QT03/BCi-CTHSSV03.03

QUY TRÌNH XEP LOAI KET QUÁ RÈN LUYỆN HỌC SINH, SINH VIÊN

	CHUẨN BỊ	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	LƯU TRỮ
Hội Đồng		<pre> graph TD A[2. Phê duyệt] --> B{6. Xét duyệt} B --> C{7. Phê duyệt} C --> D(8. Lưu trữ) A -- No --> E(1. Xây dựng kế hoạch) E --> A </pre>	
BGH		<pre> graph TD A[3. Triển khai] --> B[4. Thực hiện] B --> C[5. Tổng hợp] C --> D{6. Xét duyệt} D --> E{7. Phê duyệt} E --> F(8. Lưu trữ) B -- No --> A </pre>	
Phòng CTHSSV		<pre> graph TD A(1. Xây dựng kế hoạch) --> B[3. Triển khai] B --> C[4. Thực hiện] C --> D[5. Tổng hợp] D --> E{6. Xét duyệt} E --> F{7. Phê duyệt} F --> G(8. Lưu trữ) C -- No --> B </pre>	
Phòng/Khoa		<pre> graph TD A[3. Triển khai] --> B[4. Thực hiện] B --> C[5. Tổng hợp] C --> D{6. Xét duyệt} D --> E{7. Phê duyệt} E --> F(8. Lưu trữ) B -- No --> A </pre>	
GVCN/HSSV		<pre> graph TD A[3. Triển khai] --> B[4. Thực hiện] B --> C[5. Tổng hợp] C --> D{6. Xét duyệt} D --> E{7. Phê duyệt} E --> F(8. Lưu trữ) B -- No --> A </pre>	

ĐẶC TẢ QUY TRÌNH XẾP LOẠI KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HSSV

TT	Tên bước	Nội dung công việc	Bộ phận/ người thực hiện	Bộ phận/ người phối hợp thực hiện	Kết quả đạt được	Hạn hoàn thành	Biểu mẫu/ hồ sơ
1	Xây dựng kế hoạch	Phòng Công tác HSSV xây dựng kế hoạch theo học kỳ và năm học	Phòng CT HSSV	Phòng Đào tạo, khoa chuyên môn và GVCN	Kế hoạch thực hiện	Trước khi kết thúc học kỳ năm học 01 tháng	
2	Phê duyệt	Duyệt kế hoạch	BGH	Phòng Công tác HSSV	Kế hoạch	01 ngày	
3	Triển khai	Triển khai kế hoạch	Phòng Công tác HSSV	Các Phòng, khoa, đoàn thể, GVCN, GVBM, HSSV		01 ngày	
4	Thực hiện	Nội dung trong kế hoạch	GVCN và HSSV	Các Phòng, khoa, đoàn thể, GVCN, GVBM, HSSV	Bản KQ xếp loại rèn luyện	01 tuần	BM/QT03/BCI-CTHSSV01.03 BM/QT03/BCI-CTHSSV02.03 BM/QT03/BCI-CTHSSV03.03
5	Tổng hợp	Phòng Công tác HSSV	GVCN	Các Phòng, khoa, đoàn thể, GVCN, GVBM, HSSV	Bản tổng hợp KQ xếp loại	03 ngày	
6	Xét duyệt	Xét KQ xếp loại rèn luyện	Hội đồng		Kết quả xếp loại	01 tuần	
7	Phê duyệt	Duyệt kết quả	BGH	Phòng CTHSSV, Đào tạo	Kết quả xếp loại	01 ngày	
8	Lưu trữ	Lưu trữ kết quả, văn bản liên quan	Các phòng/khoa, GVCN, HSSV	Phòng TCHC	Kết quả xếp loại	01 ngày	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN HỌP LỚP
(về việc xếp loại kết quả rèn luyện HSSV)

Hôm nay hồi....., thứ....., ngày...../...../202.....
Tại phòng..... trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh hoặc
địa điểm liên kết tại.....
(địa chỉ:.....).

Đã tiến hành họp lớp, xếp loại kết quả rèn luyện HSSV lớp.....;
học kỳ năm học

*** Thành phần họp:**

- Đại biểu: Thầy/ cô..... – Đơn vị:.....
(*khuyến khích các lớp mời đại biểu tham dự*)

- Giáo viên chủ nhiệm lớp: Thầy/cô.....

- Tập thể lớp:.....; Có mặt:.....; Vắng mặt:.....

Lý do vắng mặt:.....

*** Chủ tọa, thư ký:**

- Chủ tọa:.....

- Thư ký:.....

NỘI DUNG

1. Giáo viên chủ nhiệm lớp thông qua mục đích, ý nghĩa buổi họp lớp.

2. Bầu thư ký cuộc họp:

HSSV:.....; Kết quả biểu quyết:...../...

3. Tập thể lớp thảo luận, ý kiến đại biểu (nếu có):

.....

4. Giáo viên chủ nhiệm lớp tổng hợp ý kiến, tập thể lớp thống nhất, giáo viên chủ nhiệm lớp kết luận kết quả xếp loại rèn luyện của từng HSSV lớp, cụ thể:

TT	Kết quả xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Xuất sắc			
2	Tốt			
3	Khá			
4	Trung bình			
5	Yếu			

(*có danh sách kết quả xếp loại kèm theo và phiếu xếp loại của HSSV*)

Cuộc họp kết thúc vào lúc..... cùng ngày./.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA

.....

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

KẾT QUẢ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN HSSV
LỚP.....; HỌC KỲ..... NĂM HỌC.....

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
...					

Ghi chú: Họ và tên HSSV xếp theo vần A B C

Bắc Ninh, ngày tháng.....năm 2023
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HSSV

TT	Nội dung	Khung điểm	Điểm HSSV tự đánh giá	Điểm do lớp đánh giá
I	Đánh giá ý thức và kết quả học tập	30		
1	Đi học đầy đủ, đúng giờ - Tùy theo số lượng buổi đi học muộn, nghỉ học không lý do mà trừ từ 1 điểm đến hết. - Nghỉ học không lý do 1 buổi trừ 1 điểm, từ 2 buổi đến 4 buổi trừ 2 điểm, từ 5 buổi trở lên trừ hết; - Vào muộn giờ từ 1 đến 3 lần trừ 1 điểm; từ 4 đến 6 lần trừ 2 điểm; từ 7 lần đến 10 lần trừ 5 điểm; trên 10 lần trừ hết.	10		
2	Đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp trong thực tập sản xuất - Thực hiện đúng quy tắc an toàn, thường xuyên sử dụng các trang bị bảo hộ trong quá trình thực tập, sản xuất. - Nếu không sử dụng một trong các loại bảo hộ lao động được trang bị 1 lần trừ 1 điểm, 2 lần 2 điểm, 3 lần trừ hết.	6		
3	Không vi phạm quy chế thi, kiểm tra Nếu vi phạm quy chế thi kiểm tra trừ hết điểm hoặc bị xử lý kỷ luật.	2		
4	Đảm bảo các môn thi, kiểm tra đạt từ trung bình trở lên - Số MH, MĐ thi lại nhỏ hơn 10% trừ 1 đến 2 điểm. - Số MH, MĐ thi lại từ 10% đến 20% trừ 3 đến 4 điểm.	4		
5	Điểm thưởng theo kết quả học tập	6		
	- Điểm TBC học kỳ: Từ 9.0 đến 10, được cộng 6 điểm.	6		
	- Điểm TBC học kỳ: Từ 8.0 đến 8.9, được cộng 4 điểm.	5		
	- Điểm TBC học kỳ: Từ 7.0 đến 7.9, được cộng 3 điểm.	3		
	- Điểm TBC học kỳ: Từ 6.0 đến 6.9, được cộng 2 điểm.	2		
	- Điểm TBC học kỳ: Từ 5.0 đến 5.9, được cộng 1 điểm.	1		
6	Tham gia dự thi học sinh giỏi	2		

	Tùy theo mức độ và kết quả tham gia để đánh giá điểm. - Đạt học sinh giỏi cấp khoa được cộng 1 điểm. - Đạt học sinh giỏi cấp trường trở lên được cộng 2 điểm.			
II	Đánh giá ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường	25		
1	Thực hiện tốt nghĩa vụ HSSV trong nhà trường - Nộp các loại giấy tờ cần thiết theo quy định. - Thực hiện tốt việc khám sức khỏe khi mới vào học tại trường. - Nộp tiền học phí đầy đủ, đúng quy định của nhà trường. - Thực hiện đúng quy định về cấp và sử dụng thẻ HSSV, thẻ thư viện (nếu vi phạm 1 trong các mục tiêu trên thì bị trừ 3 điểm hoặc trừ hết, tùy theo trường hợp cụ thể).	10		
2	Thực hiện tốt quy định của địa phương nơi cư trú Nếu vi phạm tùy theo mức độ bị trừ 1 điểm đến hết hoặc xử lý kỷ luật.	3		
3	Thực hiện tốt vệ sinh môi trường, nơi ở và nơi học tập, có ý thức giữ gìn bảo vệ của công. Nếu vi phạm bị nhắc nhở 1 lần trừ 1 điểm, 2 lần trừ 2 điểm, 3 lần trở lên trừ hết.	7		
4	Thực hiện tốt nếp sống văn hóa, góp phần tạo môi trường sư phạm trong sạch, lành mạnh (nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ trừ 1 điểm đến hết điểm)	5		
III	Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội.	25		
1	Tham gia đầy đủ các buổi học tập, sinh hoạt (chính trị đầu khóa, học tập nội quy, quy chế, nghe thời sự...) do nhà trường và các đơn vị liên quan tổ chức. Nếu bỏ 1 buổi không có lý do trừ 2 điểm, 2 buổi trở lên trừ hết.	10		
2	Thực hiện đầy đủ các hoạt động của lớp, khoa, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức (tùy theo thời gian tham gia, ý thức và kết quả đạt được mà đánh giá)	10		
3	Tích cực tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội như: Ma túy, mại dâm, cờ bạc, số đề, rượu chè, quan hệ yêu đương tự do.	3		
4	Đạt được một trong các danh hiệu thi đua như được bình xét là Đoàn viên ưu tú; HSSV giỏi, xuất sắc, cảm	2		

	tình Đảng hoặc kết nạp Đảng.			
IV	Đánh giá phẩm chất công dân, quan hệ cộng đồng, ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong nhà trường hoặc HSSV đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện.	20		
1	Chủ động học tập, tìm hiểu và chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng; pháp luật của nhà nước và các quy định của nhà trường, của địa phương.	5		
2	Tham gia phong trào tự quản nơi cư trú; Đoàn kết đúng mực với bạn bè, thầy cô giáo và cộng đồng.	5		
3	Tận tình giúp bạn trong học tập, sinh hoạt, làm tốt công tác từ thiện	3		
4	Là cán bộ lớp, đoàn, hội sinh viên hoặc sinh viên được giao nhiệm vụ phụ trách các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa thể thao của khoa, của nhà trường.	2		
5	Ý thức trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao	5		
	- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	5		
	- Hoàn thành tốt nhiệm vụ	3		
	- Hoàn thành nhiệm vụ	2		
	Tổng cộng	100		

Phân loại kết quả

TT	Thang điểm	Xếp loại
1	Từ 90 điểm đến 100 điểm	Xuất sắc
2	Từ 80 điểm đến dưới 90 điểm	Tốt
3	Từ 70 điểm đến dưới 80 điểm	Khá
4	Từ 50 điểm đến dưới 70 điểm	Trung bình
5	Dưới 50 điểm	Yếu

**PHÒNG
CÔNG TÁC HSSV**
(ký, ghi rõ họ và tên)

**GIÁO VIÊN
CHỦ NHIỆM**
(ký, ghi rõ họ và tên)

HỌC SINH SINH VIÊN
(ký, ghi rõ họ và tên)

.....

.....

.....